

ĐỀ ÁN
Đề nghị công nhận đạt chuẩn đô thị loại V
Trung tâm xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre

A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. Sự cần thiết lập đề án công nhận Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt chuẩn đô thị loại V:

Trung tâm xã Vĩnh Thành (khu vực đề nghị công nhận đô thị loại V) thuộc địa phận hành chính xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, tọa lạc tại ấp Vĩnh Hưng 1 và một phần các ấp Vĩnh Hưng 2, ấp Vĩnh Chính; ấp Vĩnh Bắc; ấp Tây Lộc, ấp Vĩnh Nam, ấp Vĩnh Phú, ấp Vĩnh Hiệp, ấp Đông Nam, ấp Bình Tây đây là trung tâm thương mại chính của tiểu vùng II huyện Chợ Lách. Chợ Cái Mơn (khu thương mại chính của Trung tâm xã Vĩnh Thành) được hình thành từ nửa cuối thế kỷ XIX, chợ nằm ở vị trí thông thương của hai con sông lớn là Hàm Luông và Cổ Chiên. Chợ Cái Mơn còn nằm trên tuyến đường giao thông huyết mạch của huyện Chợ Lách là Quốc lộ 57, nối liền với trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của huyện Chợ Lách, thuận tiện giao thông với các vùng trung tâm như Thành phố Vĩnh Long, Thành phố Bến Tre và các huyện lân cận.

Từ thập kỷ 60 thế kỷ XX là trung tâm kinh tế không những phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế của xã Vĩnh Thành mà còn mang tính chất khu vực có sức ảnh hưởng lớn với các xã lân cận. Đây là nơi tiêu thụ nông sản, hàng hóa, cung cấp hàng hóa vật tư, hàng tiêu dùng và dịch vụ cho cả khu vực, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ phát triển từ rất sớm. Hiện nay với hệ thống cơ sở hạ tầng: giao thông, khu thương mại, trường học, Phòng khám đa khoa khu vực, ngân hàng, bưu chính viễn thông,... được quan tâm đầu tư. Đặc biệt với thế mạnh là trung tâm thương mại chợ Cái Mơn hình thành từ lâu đời đã thúc đẩy quá trình đô thị hóa tại khu vực này ngày càng cao.

Vì lẽ đó, xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt chuẩn đô thị loại V (sau đó thành lập thị trấn Cái Mơn) sẽ góp phần hình thành một trung tâm kinh tế kỹ thuật và phục vụ công cộng trực tiếp trong tiểu vùng II bao gồm các xã: Long Thới, Tân Thiềng, Vĩnh Hòa, Phú Sơn, Hưng Khánh Trung B và Vĩnh Thành. Hình thành trung tâm dân cư mới, đóng góp vai trò cho sự phát triển mạng lưới đô thị - dân cư của tỉnh, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng...

Hiện nay, theo đánh giá hiện trạng tại khu vực Trung tâm xã Vĩnh Thành so với các tiêu chuẩn đô thị loại V, thì Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt được số điểm trên chuẩn quy định (86 điểm /100 điểm). Khẳng định Trung tâm xã Vĩnh Thành cơ bản hội đủ điều kiện đạt chuẩn đô thị loại V.

II. Các căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

- Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 09 năm 2009 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

- Căn cứ Quyết định số 4372/2004/QĐ-UB của UBND tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bến tre đến năm 2020.

- Căn cứ đề án số 4307/ĐA-UBND của UBND tỉnh Bến Tre ngày 25 tháng 10 năm 2010 về quy hoạch điều chỉnh, phân vạch địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã từ năm 2010 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Căn cứ Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị thị trấn Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;

- Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25 tháng 06 năm 2009 của Hội đồng Nhân dân huyện Chợ Lách về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 Thị trấn Vĩnh Thành huyện chợ Lách;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Vĩnh Thành nhiệm kỳ 2010 – 2015 và Nghị quyết số 02/NQ-ĐU ngày 10 tháng 4 năm 2011 của Đảng Ủy về xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt tiêu chí đô thị loại V;

- Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành về việc xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt chuẩn đô thị loại V.

Trên cơ sở các quyết định và hiện trạng thực tế của Trung tâm xã Vĩnh Thành, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành xây dựng Đề án đề nghị công nhận Trung tâm xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đạt chuẩn đô thị loại V vào năm 2015.

III. Sơ lược về xã Vĩnh Thành và mục tiêu của việc xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt đô thị loại V.

1. Sơ lược về xã Vĩnh Thành :

Xã Vĩnh Thành hướng bắc giáp xã Phú Sơn, đông giáp xã Vĩnh Hòa, nam giáp xã Hưng Khánh Trung B, tây giáp xã Tân Thiềng và xã Long Thới

Xã Vĩnh Thành là trung tâm tiểu vùng II của huyện Chợ Lách, có tổng diện tích đất tự nhiên là 1530 ha, quy mô dân số 19.113 nhân khẩu. Xã được chia thành 12 ấp: Vĩnh Hiệp, Vĩnh Phú, Phú Hội, Hòa Khánh, Vĩnh Chính, Vĩnh Hưng 1, Vĩnh Hưng 2, Vĩnh Bắc, Vĩnh Nam, Đông Nam, Bình Tây, Tây Lộc.

Xã nằm ở khu vực phía Tây của Cù Lao Minh, giữa ngã tư đường giao thông thủy, bộ. Quốc lộ 57 (trong kháng chiến là tỉnh lộ 30) nối liền với trung tâm huyện Chợ Lách, các huyện lân cận Mỏ Cày Bắc, Mỏ cày Nam, Thạnh Phú, thành phố Bến Tre, Vĩnh Long. Sông Cái Mơn nối liền hai con sông lớn là Hàm Luông và Cổ Chiên vừa là huyết mạch giao thông đường thủy vừa mang phù sa bồi đắp và nguồn nước ngọt quanh năm một trong những điều kiện ưu đãi về thiên nhiên cơ bản để hình thành nên vùng đất Cái Mơn trù phú.

Địa giới hành chính của xã Vĩnh Thành đã trải qua rất nhiều lần thay đổi. Nếu lấy mốc thời gian từ năm 1808 thì Vĩnh Thành là một trong 75 thôn thuộc tổng Minh Tân, huyện Tân An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh, Gia Định thành. Đến năm 1832, thời vua Minh Mạng, Nam Kỳ được chia làm lục tỉnh thì Vĩnh Thành thuộc tổng Minh Lý, huyện Tân Minh, phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long. Khi Bến Tre được thành lập theo Nghị định ngày 20/12/1899 của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer, thôn Vĩnh Thành trở thành làng Vĩnh Thành thuộc tổng Minh Lý, quận Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Đến năm 1963, Vĩnh Thành thuộc quận Đôn Nhơn, tỉnh Kiến Hòa. Năm 1970, huyện Mỏ Cày được chia ra làm Mỏ Cày Nam và Mỏ Cày Bắc, xã Vĩnh Thành thuộc Mỏ Cày Bắc. Về phía cách mạng, năm 1959 ta chia Mỏ Cày thành Mỏ Cày và Minh Tân, Vĩnh Thành thuộc huyện Minh Tân. Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, Vĩnh Thành thuộc huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trước thế kỷ XVIII, Vĩnh Thành còn là rừng rậm hoang sơ, nhiều thú dữ. Người dân nơi đây bằng sự cần cù, vượt mọi khó khăn thử thách, mở đất khai hoang, từng bước hình thành và phát triển thôn xóm. “Đất lành chim đậu” Vĩnh Thành trở thành điểm dừng chân của nhiều gia đình trên con đường an cư lạc nghiệp, đáng chú ý những lưu dân người Hoa và và những người theo đạo công giáo. Chợ và các công trình tôn giáo như: nhà thờ, đình, chùa...được hình thành.

Chợ Cái Mơn do một Hoa kiều là Bang Thái lập ra từ nửa cuối thế kỷ XIX, được xếp vào loại chợ lâu đời, trước cả nhà thờ họ đạo công giáo Cái Mơn. Chợ nằm trên con rạch Cái Mơn, cách Quốc lộ 57 khoảng 400m, thông thương với cả hai con sông Cổ Chiên và Hàm Luông là trung tâm thương mại dịch vụ cho cả khu vực.

Cái Mơn là một trong những nơi có đạo công giáo phát triển sớm và mạnh mẽ với hàng loạt các công trình kiến trúc tôn giáo: tu viện của dòng Mến Thánh Giá Cái Mơn, các nhà thờ lớn và hệ thống nhà thờ của các họ đạo... Bên cạnh đó còn có sự hình thành và phát triển của các tôn giáo khác như Phật giáo, Cao Đài... Cái Mơn sớm nổi tiếng không những ở Bến Tre mà cả mọi miền đất nước từ những sản phẩm nông nghiệp : sầu riêng, măng cụt, bòn bon ... với những bước đột phá ngoạn mục Vĩnh Thành đã sớm trở thành trung tâm cung cấp cây giống, hoa kiểng lớn nhất cả nước.

Trong công cuộc đấu tranh giành chính quyền của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ, với vị trí chiến lược quan trọng, dân cư đông đúc Vĩnh Thành là nơi bị địch chọn làm căn cứ, hệ thống đồn bót dày đặc...do đó công cuộc đấu tranh giành chính quyền trong suốt những năm kháng chiến ở nơi đây cực kỳ gian khổ. Ngày nay, trong điều kiện hòa bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ nhân dân nơi đây đang phát huy truyền thống cần cù, sáng tạo, xây dựng quê hương giàu mạnh, dân chủ công bằng theo định hướng XHCN.

(Theo *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Vĩnh Thành, 1930 - 2009*)

Tóm lại: Trong những năm qua, với những lợi thế về vị trí, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và sự quan tâm của các cấp lãnh đạo tỉnh và huyện; sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Vĩnh Thành đã đưa khu vực Trung tâm xã Vĩnh Thành có một bước phát triển tương đối toàn diện trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội lẫn quốc phòng an ninh; đầu tư xây dựng cơ bản được đẩy mạnh, vấn đề quản lý đô thị và nếp sống văn minh đô thị đã có những chuyển biến rõ nét trên một số mặt. Cảnh quan kiến trúc, bộ mặt đô thị được chỉnh trang và cải thiện, tạo tiền đề cơ bản đưa Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt các tiêu chuẩn đô thị loại V.

2. Mục tiêu của việc xây dựng đô thị loại V Trung tâm xã Vĩnh Thành:

Tạo tiền đề phát triển ổn định, bền vững, trên cơ sở tổ chức không gian phù hợp, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng; bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái.

Việc Trung tâm xã Vĩnh Thành được công nhận đô thị loại V sẽ góp phần thực hiện chương trình toàn diện về phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân đô thị thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường đô thị, giữ vững quốc phòng- an ninh.

Xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành trở thành đô thị loại V, là đô thị vệ tinh hỗ trợ thị trấn Chợ Lách. Trực tiếp hỗ trợ thực hiện định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị trên địa bàn huyện Chợ Lách nói riêng và tỉnh Bến Tre nói chung.

Trung tâm xã Vĩnh Thành sẽ trở thành trung tâm kinh tế, thương mại, kỹ thuật phục vụ công cộng trực tiếp trong tiểu vùng II, bao gồm các xã lân cận: Long Thới, Tân Thiềng, Vĩnh Hòa, Phú Sơn, Hưng Khánh Trung B và xã Vĩnh Thành.

IV. Quá trình tổ chức thực hiện xây dựng đô thị loại V của Ban chỉ đạo huyện và xã Vĩnh Thành:

Trên cơ sở Đề án số 4307/ĐA-UBND của UBND tỉnh Bến Tre ngày 25 tháng 10 năm 2010 về quy hoạch điều chỉnh, phân vạch địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã từ năm 2010 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bến Tre về việc Ban hành điều lệ quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị thị trấn Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25 tháng 06 năm 2009 của Hội đồng Nhân dân huyện Chợ Lách về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 Thị trấn Vĩnh Thành huyện chợ Lách. Đảng bộ xã Vĩnh Thành đưa nhiệm vụ xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành thành đô thị loại V vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Vĩnh Thành nhiệm kỳ 2010 – 2015 và Nghị quyết số 02/NQ-ĐU ngày 10 tháng 4 năm 2011 của Đảng Ủy về xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt tiêu chí đô thị loại V.

Trên các cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành xây dựng Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2011 về việc xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt chuẩn đô thị loại V. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt tiêu chí đô thị loại V vào năm 2015 do đồng chí Bí thư

đảng ủy làm trưởng ban; xây dựng tiêu chí hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phân công thành viên phụ trách, hỗ trợ cơ sở.

Tiếp tục lãnh đạo làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng phát triển đô thị trong nội bộ Đảng và quần chúng nhân dân tạo sự thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, lên kế hoạch vận động các tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh có điều kiện tham gia dự án theo qui hoạch, tạo điều kiện và khuyến khích đầu tư... Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể phối hợp các cấp tổ chức thăm dò lấy ý kiến về tên gọi của Thị trấn trong tương lai. Định kỳ 6 tháng, hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch để rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp để thực hiện kế hoạch đạt tiến độ.

B. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LOẠI V

I. Về vị trí địa lý, vị thế:

1. Vị trí địa lý: Đô thị loại V sau khi được hình thành nằm ở vị trí trung tâm tiểu vùng II bao gồm các xã: Long Thới, Tân Thiềng, Vĩnh Hòa, Phú Sơn, Hưng Khánh Trung B và xã Vĩnh Thành. Diện tích Trung tâm đô thị là 100 ha (bao gồm ấp Vĩnh Hưng 1 và một phần các ấp Vĩnh Bắc, ấp Vĩnh chính) có vị trí địa lý khá thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội từ đường thủy lẫn đường bộ.

- Phía Đông giáp xã Vĩnh Thành;
- Phía Tây giáp xã Long Thới;
- Phía Nam: giáp xã Vĩnh Thành;
- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Thành.

2. Vị thế:

Trung tâm xã Vĩnh Thành có vị trí thuận lợi về nhiều mặt, đặc biệt về giao thông với các xã, huyện, tỉnh trong khu vực về đường bộ cả đường thủy.

- **Đường bộ:** Dựa trên các tuyến giao thông hiện có cải tạo, mở rộng hình thành trục giao thông chính trong đô thị.

+ Theo chiều dài đô thị: Trục Quốc lộ 57 được quy hoạch thành đường phố chính xuyên suốt chiều dài đô thị, nối Trung tâm xã Vĩnh Thành với thị trấn Chợ Lách, Thành phố Bến Tre, thành phố Vĩnh Long các xã, huyện lân cận.

+ Theo chiều ngang đô thị: gồm 3 trục chính, tuyến giao thông đi Vĩnh Hòa, tuyến giao thông đi xã Tân Thiềng, tuyến giao thông đi xã Hưng Khánh Trung B và nhiều tuyến đường thông thương khu phố, xóm ấp,...



- **Về đường thủy:** Sông Cái Mơn đi vào trung tâm thương mại chợ Cái Mơn, nối liền hai dòng sông lớn là sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên, là tuyến đường thủy quan trọng để tàu, thuyền đi đến các xã, huyện trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra, hệ thống đường thủy nêu trên rất thuận lợi cho vận tải hàng hóa, hành khách đến các tỉnh Miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.



II. Về tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên:

Vùng đất Vĩnh Thành nói chung và Trung tâm xã Vĩnh Thành nói riêng là một vùng đất vốn được thiên nhiên ưu đãi: nước ngọt quanh năm, được sự bồi tụ của của phù sa hai nhánh sông Hàm Luông và Cổ Chiên tạo nên vùng đất màu mỡ, phì nhiêu. Với đặc trưng chế độ bán nhật triều không gây úng lụt mà đất đai càng được phù sa bồi đắp, chính vì vậy mà nơi đây sớm hình thành vùng trồng cây ăn trái đặc sản chất lượng cao nổi tiếng khắp Miền Nam và cả nước. Là cái nôi của nghề truyền thống về sản xuất cây giống, hoa kiểng. Với các điều kiện thiên nhiên ưu đãi không chỉ giúp phát triển mạnh các ngành nghề kinh tế mà các dịch vụ du lịch đặc biệt là loại hình du lịch sinh thái phát triển rất nhanh chóng. .

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích đất tự nhiên		519	100
1	Đất nông nghiệp	411,05	79,20
2	Đất phi nông nghiệp	107,95	20,79
	<i>Trong đó:</i>		
3	Đất chuyên dùng	25,16	23,30
4	Đất ở	37,4	34,64
5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	10,94	10,13
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,9	0,83
7	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	33,55	31,07

(theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2015)

Khu dân cư tập trung chủ yếu ở các khu phố và dãy phố Chợ tạo nên cảnh sung túc, nhộn nhịp. Trong thời gian tới, khi dự án đầu tư, nâng cấp chợ Cái Mơn hoàn thành sẽ góp phần không nhỏ vào việc tạo nên một diện mạo hoàn toàn mới cho Trung tâm xã Vĩnh Thành.



II. Về qui mô đất đai đô thị sau khi quy hoạch:

Sau quy hoạch, tổng diện tích tự nhiên là 519 ha, diện tích khu nội thị là 100 ha. Trong đó, diện tích đất xây dựng của khu nội thị là 96 ha. Phương án quy hoạch sử dụng đất được nghiên cứu trên cơ sở giữ lại toàn bộ vị trí các công trình có giá trị lịch sử, dự án được triển khai hoặc dự kiến đầu tư tại đô thị Trung tâm xã Vĩnh Thành (Khu hành chính hiện hữu, Khu Công nghệ sinh học Cái Mơn, đền thờ cụ Trương Vĩnh Ký, khu Y tế và các công trình hiện hữu hiện có...)

III. Cơ cấu hành chính:

Bộ máy hành chính của xã Vĩnh Thành bao gồm: Khối Đảng, Khối Nhà nước (Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND), Khối Mặt trận - các đoàn thể

, Công an, Quân sự... đảm nhiệm các chức năng hành chính, quản lý hành chính. Khối Đảng lãnh đạo cả hệ thống chính trị bằng cách đề ra chủ trương Nghị quyết; HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, thực hiện quyền giám sát trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng - an ninh; UBND là cơ quan thực hiện chủ trương Nghị quyết của Đảng và HĐND, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng - an ninh; Mặt trận đoàn thể thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân chấp hành và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Công an - Quân sự thực hiện chức năng giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Trong suốt thời gian qua, tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền của xã Vĩnh Thành được củng cố kiện toàn. Hàng năm, các chỉ tiêu về phát triển kinh tế, văn hóa xã hội được địa phương tập trung thực hiện, tình hình phát triển kinh tế, đời sống của người dân toàn xã được nâng lên, tình hình dịch bệnh không xảy ra trên địa bàn, các hộ kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ có chiều hướng phát triển. Phong trào toàn dân toàn kết xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục được giữ vững, không ngừng nâng chất các tiêu chí văn hóa. Công tác chăm lo đời sống cho người dân được quan tâm, đặc biệt là những hộ khó khăn, hộ nghèo. Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội được kéo giảm. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, kịp thời giải quyết các khiếu nại - tố cáo của công dân, nâng cao năng lực tổ chức, quản lý điều hành của UBND.



Trình độ cán bộ công chức tại địa phương đạt chuẩn, không ngừng được nâng cao về chuyên môn lẫn trình độ lý luận chính trị.



IV. Về tình hình phát triển kinh tế:

1. Cơ cấu kinh tế:

Những năm qua, khu vực Trung tâm xã Vĩnh Thành phát huy thế mạnh của địa phương về thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Vận dụng linh hoạt các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mời gọi các nhà đầu tư, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhằm giải quyết lao động tại địa phương. Đến cuối năm 2014, cơ cấu kinh tế của khu vực như sau: Nông nghiệp: 32,7%; Công nghiệp - Xây dựng: 14,3%; Thương mại - Dịch vụ: 53%.

2. Về thu nhập:

Trong những năm gần đây do sản xuất, kinh doanh phát triển cùng sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo địa phương nên đời sống người dân đã ổn định và từng bước được cải thiện, nâng cao. Tổng thu nhập bình quân đầu người của xã Vĩnh Thành năm 2014 đạt khoảng 27 triệu đồng/người/năm. Như vậy tuy chưa có số liệu thống kê cụ thể nhưng ước tính khu vực Trung tâm xã Vĩnh Thành có mức phát triển kinh tế cao so với mặt bằng chung của toàn xã thu nhập bình quân đầu người của khu vực đạt ước trên 32 triệu đồng/người/năm.

3. Về thu ngân sách:

Tổ chức quản lý khai thác các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, điều chỉnh các nguồn thu để tăng thu ngân sách, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư phát triển, đồng thời thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham nhũng, năm 2014 chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước của toàn xã Vĩnh Thành là 4.634.929.614 đồng, đã thu vượt chỉ tiêu.

4. Tình hình phát triển công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, nước sạch và điện:

a. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ:

Trong những năm gần đây các cơ sở ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ tiếp tục gia tăng về số lượng, mở rộng về qui mô, đa dạng về ngành nghề, mặt hàng, đáp ứng nhu cầu tại địa phương và bán ra ngoài thị trường trong và ngoài tỉnh, đặc biệt các loại hình du lịch sinh thái ở địa phương ngày càng được chú trọng.

Tại khu thương mại chợ Cái Mơn và địa điểm kinh doanh mua bán nông thôn Ngã Tư Lộ Đất tập trung hơn 271 hộ kinh doanh thương mại và dịch vụ, phát triển phong phú và đa dạng về mặt hàng, mở rộng về qui mô như các cửa hàng: vật liệu xây dựng, xăng dầu, thuốc tây, văn phòng phẩm... đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.



Về phát triển dịch vụ: Trên địa bàn, hoạt động của các loại hình dịch vụ cũng khá phát triển trên các lĩnh vực: bưu chính viễn thông, tài chính - tín dụng, vận chuyển hành khách, các dịch vụ về y tế, thẩm mỹ và các dịch vụ về ăn uống giải khát... Các cơ sở này không chỉ phát triển về qui mô, mà hình thức cũng không ngừng được đầu tư theo hướng văn minh, hiện đại hơn. Bên cạnh đó các dịch vụ bưu chính - viễn thông, ngân hàng - tín dụng và các dịch vụ y tế, dịch vụ khác của tư nhân cũng được đầu tư, mở rộng để đáp ứng nhu cầu phát triển chung trên địa bàn.



b. Hệ thống cấp nước sạch:

Hiện nay khu vực Trung tâm xã Vĩnh Thành có 2.343/2.416 hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 97%. Trong đó, khu vực nội thị có 765/1097 hộ sử dụng nước máy đạt tiêu chuẩn chiếm 70%.

c. Cấp điện:

Toàn khu vực Trung tâm xã Vĩnh Thành có 2403/2416 hộ sử dụng lưới điện quốc gia đạt tỷ lệ 99.5%. Riêng khu vực nội ô có 100% số hộ sử dụng điện. Tiêu chuẩn cấp điện hiện đáp ứng đủ cho nhu cầu chiếu sáng, cơ quan, doanh nghiệp và các hộ gia đình sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất.

5. Về xây dựng kết cấu hạ tầng:

Hệ thống giao thông trong những năm gần đây đã được chú ý đầu tư xây dựng từ nhiều nguồn vốn, nâng cao tỷ lệ mật độ đường giao thông. Hiện nay, Trung tâm xã Vĩnh Thành có 5.000m² đường nhựa, 45.150 m² đường bê tông, 13 cầu bê tông nhằm đảm bảo thuận lợi cho việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa và đi lại của người dân.

V. Về văn hóa xã hội:

1. Giáo dục:

- Trên địa bàn có đủ 4 cấp trường: Mầm non mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở và Trường THPT. Phòng học được xây dựng kiên cố và có 04 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 100%).

- Chất lượng dạy và học ngày được nâng lên, giáo viên dạy giỏi và học sinh giỏi ngày càng cao; tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học đều đạt chỉ tiêu trên giao. Công tác phổ cập giáo dục được quan tâm thực hiện tốt, Công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi được duy trì, hiện xã đã phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ II; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, Tỷ lệ học sinh bỏ học bậc THCS năm học 2013- 2014 chiếm 0,8%.





- Công tác xã hội hóa giáo dục: Phong trào xã hội hóa giáo dục tiếp tục duy trì và phát triển.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng dần chuẩn chất; trang thiết bị được đầu tư xây dựng hướng hiện đại. Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, hội khuyến học được duy trì ổn định

STT	Danh mục	Số điểm trường	Diện tích (m ²)	Số phòng	Số lượng học sinh
01	Trường Mầm Non	02	6362	12	687
02	Trường Tiểu học Vĩnh Thành A,B	02	14,484	43	1378
03	Trường Trung học cơ sở	01	21728,8	36	1181
04	Trường Trung học phổ thông Trương Vĩnh Ký	01	8055,9	18	1225

2. Y tế:

Phòng khám đa khoa Vĩnh Thành được xây dựng mới với diện tích 2954 m² với 32 phòng. Tuy nhiên do điều kiện cơ sở vật chất chưa trang bị hoàn thiện nên hiện tại Phòng khám chỉ có 10 giường. Trong tương lai sẽ được trang bị hệ thống cơ sở vật chất, nâng qui mô từ 15 đến 20 giường đảm bảo tỷ lệ phục vụ đạt 2-3 giường/1000 dân. Trong năm đã tổ chức khám và điều trị bệnh cho 27.419 lượt người. Hàng năm, các chương trình y tế quốc gia đạt trên 95%.



3. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình:

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được quan tâm, mạng lưới cộng tác viên ổn định. Đã triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD rộng khắp và đạt hiệu quả hàng năm; công tác thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại năm 2014 đạt 80.1%, thực hiện các biện pháp KHHGD 1.027/1.027 chị em đạt 100% so với chỉ tiêu kế hoạch năm.

STT	Đơn vị hành chính	Tổng hộ	Dân số
01	Ấp Vĩnh Hưng 1	486	2143
02	Ấp Vĩnh Hưng 2	256	1029
03	Ấp Tây Lộc	389	1494
04	Ấp Vĩnh Bắc	385	1410
05	Ấp Vĩnh Chính	118	563
06	Ấp Bình Tây	360	1390
07	Ấp Vĩnh Hiệp	57	199
08	Ấp Vĩnh Phú	21	83
09	Ấp Vĩnh Nam	8	25
10	Ấp Đông Nam	16	61
	Tổng cộng	2096	8399

3. Giảm nghèo:

- Công tác giảm nghèo ngày càng được quan tâm, nhiều giải pháp xóa nghèo hiệu quả được thực hiện như: hỗ trợ vốn vay ưu đãi, chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật, giới thiệu việc làm... đến nay toàn khu vực Trung tâm xã Vĩnh Thành còn 60 hộ chiếm tỷ lệ 2.86%.

* Cơ cấu lao động và nguồn lực lao động:

Tổng số người trong độ tuổi lao động tham gia lao động là 2208 người, trong

đó:

- Tổng số lao động nông nghiệp, thủy sản là 643 người (29,12 %).
- Tổng số lao động phi nông nghiệp là 1465 (66,34%).

4. Về văn hóa - Thể dục thể thao:

a. Văn hóa:

- Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền chào mừng các ngày lễ lớn: kỷ niệm 55 năm ngày Bến tre Đồng khởi (17/01), 85 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02), ngày giải phóng Miền nam thống nhất đất nước(30/4), ngày Quốc khánh(2/9)...

Công tác giáo dục tinh thần văn hóa dân tộc, nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, các hoạt động văn hóa luôn được chính quyền địa phương quan tâm. Người dân không ngừng phấn đấu xây dựng "gia đình văn hóa", "Áp văn hóa", bằng nhiều nỗ lực của cả hệ thống chính trị.

Đề nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, chính quyền cũng đã quan tâm tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ trong những dịp lễ hội... góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân. Các cơ sở thờ tự tôn giáo hoạt động ổn định, đúng quy định pháp luật.



Ngoài ra, để ghi nhận công lao đóng góp của những chiến sĩ Cách mạng đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong khuôn viên khu hành chính xã Vĩnh Thành đã xây dựng đền thờ Liệt sĩ kiên cố, khang trang nhằm để tưởng nhớ công lao 149 anh hùng liệt sĩ đã anh dũng hy sinh bảo vệ quê hương.



b. Thể dục - Thể thao:

- Phong trào thể dục, thể thao được quan tâm hơn, tham gia tốt các giải bóng đá, bóng chuyền và hội thao do huyện tổ chức. Nhìn chung, việc xã hội hóa các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao được phát triển khá tốt đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần cho nhân dân. Ngoài ra, trên địa bàn còn có các sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, hàng ngày thu hút hàng trăm thanh thiếu niên tham gia rèn luyện sức khỏe

VI. Quốc phòng - An ninh:

1. Quốc Phòng:

- Đảm bảo chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo quản tốt vũ khí. Duy trì phối hợp công an tổ chức tuần tra kiểm tra bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác xét tuyển nghĩa vụ quân sự 3 cấp, tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu, công tác huấn luyện DQTV đạt 98.2% (171/174).

2. An ninh - Chính trị - Trật tự an toàn xã hội:

- Tình hình an ninh chính trị nhìn chung được ổn định, tôn giáo hoạt động bình thường.

- Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

3. Cải cách hành chính:

Tổ chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Các hồ sơ thủ tục, quy trình được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân để nhân dân tham khảo. Nhìn chung, trong thời gian qua, tình hình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được thực hiện khá tốt, các hồ sơ giải quyết đúng quy trình, thời gian quy định tạo lòng tin cho nhân dân. Vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý ISO 9001 : 2008.

C. CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐẠT CÁC TIÊU CHUẨN ĐÔ THỊ LOẠI V

I. Phương pháp đánh giá, xếp loại:

1. Các tiêu chuẩn để phân loại:

Các tiêu chuẩn cơ bản để phân loại đô thị được xem xét, đánh giá bao gồm 6 tiêu chuẩn, cụ thể:

- Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị, gồm vị trí, tính chất đô thị và các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội.

- Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số toàn đô thị, bao gồm dân số toàn đô thị, dân số nội thị và tỷ lệ đô thị hóa.

- Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đô thị.

- Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp.

- Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị, bao gồm các chỉ tiêu về nhà ở, các công trình công cộng cấp đô thị, hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng, hệ thống thông tin và bưu chính viễn thông, cây xanh và hệ thống xử lý chất thải và nhà tang lễ.

- Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc, cảnh quan đô thị, bao gồm các chỉ tiêu về quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, các khu đô thị mới, các tuyến phố văn minh đô thị, không gian công cộng và các công trình kiến trúc tiêu biểu.

2. Bảng điểm của mỗi tiêu chuẩn:

Thứ tự tiêu chuẩn	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa
Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị	11,5	15
Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số toàn đô thị	7,28	10
Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đô thị	4,7	5
Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	3,8	5
Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị	50,52	55
Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc, cảnh quan đô thị	8.2	10
Tổng cộng	86.0	100

3. Nguyên tắc tính điểm:

- Tổng số điểm 6 tiêu chuẩn phải đạt tối thiểu 70/100 điểm

- Từng chỉ tiêu trong mỗi tiêu chuẩn được tính điểm theo phương pháp nội suy trong khoảng giữa mức quy định tối đa và tối thiểu. Không tính ngoại suy khi vượt quá mức quy định và tính điểm 0 cho các chỉ tiêu không đạt mức quy định tối thiểu.

Trong đó, các yếu tố, chỉ tiêu chi tiết thuộc các nhóm tiêu chuẩn trên cũng được quy về các thang điểm tối thiểu - tối đa và tính theo nguyên tắc trên sao cho tổng số điểm tối đa là 100 điểm, tối thiểu là 70 điểm.

II. Đánh giá các tiêu chuẩn cơ bản phân loại đô thị:

Trên cơ sở hiện trạng các chỉ tiêu thuộc các yếu tố cơ bản đô thị, đối chiếu so sánh chúng với các chỉ tiêu qui định cho loại đô thị đánh giá (loại V) nêu tại điều 14 của Nghị định 42/2009/NĐ-CP và Thông tư số 34/2009/TT-BXD về việc quy định chi tiết một số nội dung của 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc phân loại đô thị, từ đó tiến hành đánh giá xếp loại cho đô thị. Ban chỉ đạo xây dựng đô thị đánh giá theo từng tiêu chuẩn như sau:

1. Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị

Đánh giá tiêu chuẩn chung về Chức năng đô thị (điểm tối đa 15 điểm) đô thị Trung tâm xã Vĩnh Thành **đạt 11,5/15 điểm**. Trong đó:

a) Vị trí và tính chất đô thị:

- Vị trí: Trung tâm xã Vĩnh Thành có mối liên hệ thuận lợi với các đô thị lân cận, cách thị trấn Chợ Lách 14 km, thành phố Bến Tre 31 km, thành phố Vĩnh Long 31 km. Quốc lộ 57 đi qua trung tâm thị trấn tạo điều kiện giao thông thuận lợi với các khu vực lân cận. Về đường thủy, Sông Cái Mơn nối liền hai nhánh sông Hàm Luông và Cổ Chiên tạo điều kiện lưu thông, trao đổi hàng hóa dễ dàng.

- Tính chất đô thị: là đô thị thuộc tiểu vùng 02 của khu vực bao gồm các xã: Long Thới, Tân Thiềng, Phú Sơn, Vĩnh Hòa, Hưng Khánh Trung B và Vĩnh Thành. Là đô thị vệ tinh hỗ trợ thị trấn Chợ Lách

(Đánh giá về vị trí và tính chất đô thị đạt: 3,5/5 điểm)

b) Các chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội:

Đánh giá tiêu chuẩn về kinh tế xã hội đạt 8,0/10 điểm: Trong đó:

- **Tổng thu ngân sách trên địa bàn** (Mức qui định tối thiểu 7 tỷ đồng/năm - tối đa ≥ 10 tỷ đồng/năm):

Hiện tại chưa có cơ sở tính tổng thu ngân sách riêng của thị Trung tâm xã Vĩnh Thành cho nên chỉ tiêu này được tính theo dự toán thu ngân sách của toàn xã Vĩnh Thành. Do khai thác tốt nguồn thu nên toàn xã Vĩnh Thành trong năm 2014 đã thu tổng cộng là 4.634.929.614 đồng .Trong đó:

STT	Tên các khoản thu:	Số tiền (đvt: đồng)
1	+ Thuế nhà đất (phi nông nghiệp)	81.103.875
2	+ Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	191.650.000
3	+ Phí lệ phí	187.296.300
4	+ Thu khác	46.848.816
5	+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.644.498.980

6	+ Thuế chuyển quyền sử dụng đất	340.582.000
7	+ Lệ phí trước bạ, nhà đất	77.688.600
8	+ Thuế thu nhập cá nhân	619.134.000
9	+ Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.145.626.000
10	+ Kết dư ngân sách năm sau	300.501.043
	TỔNG CỘNG	4.634.929.614

- **Cân đối thu chi ngân sách:** Cân đối thu chi ngân sách trên toàn xã năm 2014: Tổng thu – Tổng chi = 4.634.929.614 – 3.971.938.396 = 662.991.218 (đồng). Do đó, ngân sách địa phương cân đối dư.

(Đánh giá tiêu chuẩn về cân đối thu - chi ngân sách đạt: 1,5/1,5 điểm)

- **Thu nhập bình quân đầu người/năm (GDP) so với cả nước** (Mức qui định tối thiểu 0,35 lần - tối đa $\geq 0,5$ lần):

Hiện nay, theo các số liệu thống kê về tính toán chỉ số thu nhập bình quân đầu người/năm (GDP) chỉ xác định đến cấp huyện nên việc tính toán chỉ số GDP chưa thể tính được. Do đó, chỉ tiêu này được phân tích đánh giá dựa trên chỉ số chung của toàn huyện, cụ thể:

+ Thu nhập bình quân đầu người toàn huyện năm 2013: 1.320 USD/người/năm.

+ Thu nhập bình quân đầu người cả nước năm 2014: 2.028 USD/người/năm.

Như vậy: Tỷ lệ thu nhập bình quân đầu người của huyện Chợ Lách so với bình quân cả nước đạt: $1.320 \text{ USD} / 2.028 \text{ USD} = 0,65$ lần.

Trung tâm xã Vĩnh Thành có mức thu nhập bình quân đầu người ở mức cao so với toàn xã Vĩnh Thành và gần bằng thị trấn Chợ Lách. Do đó, phân tích đánh giá chỉ tiêu này, Trung tâm xã Vĩnh Thành đánh giá bằng với mức chung toàn huyện, tương đương 0,65 lần so với bình quân cả nước.

(Đánh giá tiêu chuẩn GDP bình quân so với cả nước đạt: 2,0/2,0 điểm)

- **Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất** (Mức qui định tối thiểu 4,5% - tối đa $\geq 5,0\%$): Hiện nay, theo số liệu thống kê cũng chưa có cơ sở để xác định mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất trên địa bàn Trung tâm xã Vĩnh Thành. Do đó, có thể xem với tốc độ tăng trưởng kinh tế của toàn huyện là mức độ tăng trưởng chung. Theo tính toán tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện Chợ Lách trong 3 năm gần nhất như sau:

+ Năm 2012: GDP bình quân đạt 13%

+ Năm 2013: GDP bình quân đạt 12 %

+ Năm 2014: GDP bình quân đạt 11 %

Do đó, mức tăng trưởng kinh tế trung bình trong 3 năm (2012, 2013, 2014) đạt tốc độ tăng trưởng trung bình là 12 %.

(Đánh giá mức tăng trưởng kinh tế trung bình đạt: 2,0/2,0điểm)

- Tỷ lệ hộ nghèo (Mức qui định tối thiểu 25% - tối đa $\leq 17\%$):

Theo số liệu thống kê toàn Trung tâm xã Vĩnh Thành, hộ nghèo được đánh giá theo chuẩn mới được qui định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011. Hiện nay, tổng số hộ nghèo trong khu vực nội thị là 60 hộ chiếm 7.45 % được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ hộ nghèo} &= \frac{\text{Hộ nghèo}}{\text{Tổng số hộ dân}} \times 100\% \\ &= \frac{60}{805} \times 100\% = 7,45\% \end{aligned}$$

(Đánh giá chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo đạt: 1,5/1,5 điểm)

-Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (Mức qui định tối thiểu 1,2% - tối đa $\geq 1,3\%$): Tỷ lệ tăng dân số năm 2014 của Trung tâm xã Vĩnh Thành được tính bằng cách:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ tăng dân số} &= \frac{\text{Dân số cuối kỳ} - \text{Dân số đầu kỳ}}{\text{Dân số đầu kỳ}} \times 100 \\ &= \frac{8.457 - 8.352}{8.352} \times 100 = 1,3\% \end{aligned}$$

(Đánh giá chỉ tiêu về tỷ lệ tăng dân số hàng năm đạt: 1,0/1,0 điểm)

2. Tiêu chuẩn 2: Theo qui mô dân số:

Đánh giá tiêu chuẩn chung về qui mô dân số toàn đô thị đạt **7,28/10** điểm. Trong đó:

a) Dân số toàn đô thị (Mức qui định tối thiểu 4.000 người-tối đa 50.000 người):

Qui mô dân số toàn đô thị được xác định bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú (dưới 6 tháng) đã qui đổi trong phạm vi ranh địa giới hành chính, được xác định theo công thức sau: $N = N_1 + N_2$.

Trong đó:

- + N: Dân số toàn đô thị (người)
- + N1: Dân số của khu vực nội thị (người)
- + N2: Dân số của khu vực ngoại thị (người).

Quy mô dân số của khu vực nội thị (N1) và của khu vực ngoại thị (N2) được xác định gồm dân số thống kê thường trú và dân số tạm trú đã quy đổi:

Dân số tạm trú từ 6 tháng trở lên được tính như dân số thường trú, dưới 6 tháng

được qui đổi về dân số đô thị theo công thức: $N_o = \frac{2N_{txm}}{365}$. Trong đó:

- + No: Số dân tạm trú qui đổi về dân số đô thị (người).
- + Nt: Tổng số lượt khách đến tạm trú ở khu vực nội thị dưới 6 tháng.
- + m: Số ngày tạm trú trung bình của một khách (ngày).

❖ **Như vậy, theo số liệu thống kê và tính toán thì hiện nay:**

-Khu vực nội thị: Năm 2014 dân số thường trú là 3.511 người; tạm trú trên 06 tháng là 43 người. Không có tạm trú dưới 06 tháng.

$$N_1 = 3511 + 43 = 3.554 \text{ người}$$

-Khu vực ngoại thị: Năm 2014 dân số thường trú là 4.888 người; tạm trú trên 06 tháng là 15 người, không có tạm trú dưới 6 tháng.

$$N_2 = 4.888 + 15 = 4.903 \text{ người}$$

Như vậy tổng dân số toàn đô thị: $N = N_1 + N_2 = 3.554 + 4.903 = 8.457$ người.

(Đánh giá chỉ tiêu dân số toàn đô thị đạt: 1,5/2 điểm)

b) Dân số nội thị (Mức qui định tối thiểu 1.600 người - tối đa 20.000 người):

Khu vực đô thị dự kiến là 8.457 người. Sau khi quy hoạch chung đô thị loại V Trung tâm xã Vĩnh Thành được duyệt thì khu vực nội thị được xác định gồm địa phận ấp Vĩnh Hưng 1, Vĩnh Bắc và một phần của các ấp Vĩnh Chính..

Với số liệu đã tính toán như trên thì tổng dân số khu nội thị N_1 là 3.554 người

(Đánh giá chỉ tiêu dân số nội thị đạt: 2,9/4 điểm)

c) Tỷ lệ đô thị hóa (Mức qui định tối thiểu 40% - tối đa 70%)

Tỷ lệ đô thị hóa được xác định theo công thức $T = \frac{N_n}{N} \times 100$. Trong đó:

- + T: Tỷ lệ đô thị hóa của đô thị (%)
- + N_n : Tổng dân số các khu vực nội thị trong địa giới hành chính của đô thị
- + N: Dân số toàn đô thị (người)

Theo phân tích xác định dân số đô thị và dân số nội thị, ngoại thị ở phần trên, từ đó xác định tỷ lệ đô thị hóa đạt :

$$T = \frac{3.554}{8.457} \times 100 = 42,02 \%$$

(Đánh giá chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa đạt: 2,88 /4,0 điểm)

3.Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đô thị.

(Mức qui định tối thiểu 2.000 người/km² - tối đa \geq 4.000 người/km²).

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư của khu vực nội thị và

được xác định theo công thức $D = \frac{N1}{S}$. Trong đó:

- + D: Mật độ dân số trong khu vực nội thị (người/km²).
- + N 1: Dân số của khu vực nội thị đã tính qui đổi (người).
- + S: Diện tích đất xây dựng trong khu vực nội thị.

Diện tích đất xây dựng đô thị trong khu vực nội thị không bao gồm các diện tích tự nhiên như núi cao mặt nước, không gian xanh.

$$\text{Mật độ dân số đô thị } D = \frac{3.554 \text{ người}}{0,96 \text{ km}^2} = 3.702 \text{ người/km}^2$$

(Đánh giá tiêu chuẩn mật độ dân số đô thị đạt: 4,7 /5,0 điểm)

4. Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (Mức qui định tối thiểu 65% - tối đa $\geq 70\%$).

Theo kết quả điều tra tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị được tính theo công thức:

$$K = \frac{Eo}{Et} \times 100. \text{ Trong đó:}$$

- + K: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực đô thị (%)
- + Eo : Số lao động phi nông nghiệp trong khu vực nội thị (người)
- + Et: Số lao động làm việc trong các ngành kinh tế trong khu vực nội thị (người).

- Tổng số lao động tham gia lao động của toàn khu vực nội thị năm 2014 là 2.208 người. Trong đó:

- + Tổng số lao động nông nghiệp là 643 người
- + Tổng số lao động phi nông nghiệp là 1.465 người

$$\text{Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp } K = \frac{1.465 \text{ người}}{2.208 \text{ người}} \times 100 = 66 \%$$

(Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt: 3,8/5,0 điểm)

5. Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng đô thị .

Đánh giá tiêu chuẩn chung về hệ thống hạ tầng đô thị **50.52/55** điểm. Trong đó:

a. Nhà ở: Đánh giá chỉ tiêu chung về nhà ở đạt: **10/10** điểm. Trong đó:

- **Diện tích sàn nhà bình quân cho khu vực nội thị:** (Mức qui định tối thiểu 12 m² sàn/người - tối đa ≥ 15 m² sàn/người)

Trung tâm xã Vĩnh Thành nơi tập trung dân cư sinh sống với mật độ cao. Do đó, khu vực nội thị có tổng cộng 805 căn nhà các loại, trong đó nhà kiên cố và bán kiên cố 540 căn (112 m²/căn) với tổng diện tích sàn xây dựng là 60.480 m²

Xác định diện tích sàn nhà bình quân cho khu vực nội thị được xác định theo công thức:

$$\text{Diện tích sàn nhà bình quân} = \frac{\text{Tổng diện tích sàn nhà kiên cố và bán kiên cố}}{\text{Tổng dân số khu vực nội thị}}$$

$$\text{Diện tích sàn nhà bình quân} = \frac{60.480 \text{ m}^2}{3.554 \text{ người}} = 17,01 \text{ m}^2 \text{ sàn/người}$$

(Đánh giá chỉ chỉ tiêu về diện tích sàn nhà bình quân nội thị đạt: 5,0/5,0 điểm)

- **Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị:** (Mức qui định tối thiểu 50% - tối đa ≥ 60%).

Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm đa số và phần lớn nhà được đầu tư xây dựng sửa chữa nên chất lượng tốt.

$$\text{Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố chiếm } K = \frac{540 \text{ căn}}{805 \text{ căn}} \times 100 = 67,08 \%$$

(Đánh giá chỉ tiêu về tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố đạt: 5,0/5,0 điểm)

b. Công trình công cộng cấp đô thị:

Đánh giá chỉ tiêu chung về công trình công cộng cấp đô thị đạt: **9,4/10** điểm. Trong đó:

- **Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở:** (Mức qui định tối thiểu 1m²/người - tối đa ≥ 1,5 m²/người).

Đất dành cho xây dựng công trình công cộng cấp khu ở là 11.118,8 m² bao gồm trường mầm non tư thục, mẫu giáo, tiểu học Vĩnh Thành A; công trình văn hóa thể thao.

STT	Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở	DT đất (m ²)
1	- Công trình giáo dục (trường mầm non tư thục , mẫu giáo, tiểu học Vĩnh Thành A)	9618,8
2	- Công trình văn hoá thể thao (các sân tập mini)	1500
	Tổng cộng	11.118,8

Chỉ tiêu đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở được tính:

$$= \frac{11.118,8 \text{ m}^2}{3.554 \text{ người}} = 3,1 \text{ m}^2/\text{người}$$

(Đánh giá chỉ tiêu về đất công trình công cộng cấp khu ở đạt: 1,5/1,5 điểm)

- **Chỉ tiêu đất dân dụng:** (Mức qui định tối thiểu 61m² /người - tối đa ≥ 78 m² /người).

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)
1	Đất ở	7,89
2	Đất công trình công cộng	12,29
3	Đất giao thông	10,65
Tổng cộng		30,,83

Diện tích đất dân dụng là gồm đất ở, đất công trình công cộng, đất giao thông đối nội. Tổng diện tích đất dân dụng ở Trung tâm xã Vĩnh Thành là 308300 m² đạt bình quân đầu người:

$$\frac{308300\text{m}^2}{3554 \text{ người}} = 86,74 \text{ m}^2 /\text{người}$$

(Đánh giá chỉ tiêu về đất dân dụng đạt: 1,5/1,5 điểm)

- **Chỉ tiêu đất công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị:** (Mức qui định tối thiểu 3m² /người - tối đa ≥ 3,5 m² /người).

Đất dành cho xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị là 17.753,5 m² bao gồm các công trình phúc lợi công cộng, dịch vụ công cộng như: Bưu điện, bệnh viện, ngân hàng, phòng khám đa khoa khu vực xã Vĩnh Thành... phục vụ nhu cầu cho nhân dân khu vực.

STT	Tên các công trình	DT đất (m ²)
Tổng cộng:		17.753,5
2	- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn	91,5
3	- Phòng khám đa khoa khu vực xã Vĩnh Thành	2954
4	- Công trình thương mại dịch vụ (chợ)	4.527,4
5	- Công trình thông tin, truyền thông (Bưu chính viễn thông)	882,6
6	-THPT, TTGDTX	9298

Như vậy đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị:

$$= \frac{17.753,5 \text{ m}^2}{3554 \text{ người}} = 4,99 \text{ m}^2/\text{người.}$$

(Đánh giá chỉ tiêu về đất công trình công cộng cấp đô thị đạt: 1,5/1,5 điểm).

- **Cơ sở Y tế** (Trung tâm chuyên sâu, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa các

cấp): (Mức qui định tối thiểu 1,5 giường/1.000 dân - tối đa $\geq 2,0$ giường/1.000 dân).

Hiện Vĩnh Thành đã được đầu tư xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực bố trí 10 giường bệnh. Đánh giá cho khu vực nội thị 3554 dân thì chỉ tiêu này đạt 2-3 giường/1.000 dân.

(Đánh giá chỉ tiêu về cơ sở Y tế đạt: 1,5/1,5 điểm)

- **Cơ sở giáo dục, đào tạo:** Đại học, cao đẳng, dạy nghề (Mức qui định có tối thiểu là dự án - có tối đa ≥ 1 cơ sở).

Hiện tại trên địa bàn Vĩnh Thành không có trường Đại học, cao đẳng, nhưng địa phương có 01 Trung giáo dục thường xuyên với quy mô 6 phòng và Trường PTTH trung Vĩnh Ký , trong năm 2014 phối hợp mở 15 lớp dạy nghề với khoảng 562 học viên.

(Đánh giá chỉ tiêu về cơ sở giáo dục đào tạo đạt: 0,7/1,0 điểm)

- **Trung tâm văn hóa:** Nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hóa (Mức qui định tối thiểu 1 công trình - tối đa ≥ 2 công trình).

Trên địa bàn chưa được đầu tư xây dựng các hạng mục công trình lớn, tại địa phương chỉ có nhà văn hóa trong khuôn viên khu hành chính xã Vĩnh Thành hiện tại, được xây dựng kiên cố với diện tích 300 m², quy mô 150 chỗ ngồi phục vụ cho các cuộc họp; giao lưu văn nghệ và 01 tủ sách pháp luật với 170 cuốn sách đáp ứng nhu cầu đọc sách, tìm hiểu kiến thức pháp luật cho cán bộ công chức.

Hiện tại, địa phương cũng đã có những bước đề xuất xây dựng trung tâm văn hóa và chuẩn bị cho việc xây dựng nhà văn hóa thiếu nhi trên diện tích 8.000 m² đang chờ các cấp trên phê duyệt.

(Đánh giá chỉ tiêu về trung tâm văn hóa đạt: 0,7/1,0 điểm)

- **Trung tâm thể dục thể thao:** Sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ (Mức qui định tối thiểu 1 công trình - tối đa ≥ 2 công trình).

Trên địa bàn hiện có 5 sân bóng đá mini với diện tích 1500 m² phục vụ tốt cho các phong trào giao lưu bóng, vui chơi rèn luyện sức khỏe cho thanh niên. Ngoài ra, còn có các sân cầu lông, bóng chuyền, nằm trong khuôn viên các trường học và các cơ quan nhà nước làm nơi luyện tập và giao lưu, rèn luyện sức khỏe cho các em học sinh, cán bộ và nhân dân.

(Đánh giá chỉ tiêu về trung tâm thể dục thể thao đạt: 0,7/1,0 điểm)

- **Trung tâm thương mại - dịch vụ:** Chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa (Mức qui định tối thiểu 1 công trình - tối đa ≥ 2 công trình).

Khu trung tâm chợ Cái Mơn qui mô diện tích 4.527,4 m², và nhiều dãy phố buôn bán nhộn nhịp với trên 220 cơ sở, quầy sạp và cửa hàng. Ngoài ra, địa điểm kinh doanh mua bán nông thôn Ngã Tư Lộ Đất ấp Tây Lộc vừa mới được đầu tư xây dựng diện tích 1.000 m² với khoảng 60 quầy sạp, cơ sở, cửa hàng kinh doanh buôn bán tại khuôn viên chợ và dãy phố xung quanh.

(Đánh giá chỉ tiêu về trung tâm thương mại – dịch vụ đạt: 1,0/1,0 điểm)

c) **Hệ thống giao thông:** Đánh giá chỉ tiêu chung về hệ thống giao thông đạt

9,21/10 điểm. Trong đó:

- **Đầu mối giao thông:** cảng hàng không, sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách (Mức qui định cấp tiểu vùng - huyện).

Trung tâm xã Vĩnh Thành nằm trên Quốc lộ 57 tuyến đường giao thông thuận lợi nối liền trung tâm hành chính, thương mại huyện Chợ Lách, thành phố Bến Tre, các huyện và xã lân cận. Trên địa bàn hiện chưa được đầu tư xây dựng bến xe khách công cộng, tuy nhiên hiện có các bến xe khách và tuyến đò của các đơn vị tư nhân, ngoài ra hệ thống xe buýt công cộng của huyện và các tuyến xe khách đi các tỉnh thường xuyên lưu thông qua địa bàn tạo vị thế cầu nối giao thông quan trọng phục vụ nhu cầu đi lại, trao đổi hàng hóa của nhân dân.

(Đánh giá chỉ tiêu về đầu mối giao thông đạt: 2,0/2,0 điểm)

- **Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu nội thị:** (Mức qui định tối thiểu 11% - tối đa $\geq 16\%$).

Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu nội thị được tính bằng:

$$\begin{aligned} &= \frac{\text{Tổng diện tích đất giao thông khu vực nội thị}}{\text{Tổng diện tích đất xây dựng của khu vực nội thị}} \\ &= \frac{106.500 \text{ m}^2}{960000 \text{ m}^2} \times 100\% = 11,09\% \end{aligned}$$

(Đánh giá chỉ tiêu về tỷ lệ đất giao thông đạt: 1,41/2,0 điểm)

- **Mật độ đường trong khu vực nội thị:** (tính đến đường có chiều rộng đường $\geq 11,5\text{m}$ (Mức qui định tối thiểu 6 km/km^2 - tối đa $\geq 8/\text{km/km}^2$).

Hiện trạng trong phạm vi nội thị có 10 tuyến đường đạt tiêu chuẩn với tổng chiều dài 7,045 km; tổng diện tích đất xây dựng của khu nội thị là $0,96 \text{ km}^2$

$$\begin{aligned} \text{Mật độ đường khu vực nội thị} &= \frac{\text{Tổng chiều dài giao thông khu vực nội thị}}{\text{Tổng diện tích đất xây dựng trong khu vực nội thị}} \\ \text{Mật độ đường khu vực nội thị} &= \frac{7,045 \text{ km}}{0,96 \text{ km}^2} = 7,33 \text{ km/km}^2 \end{aligned}$$

(Đánh giá chỉ tiêu về mật độ đường trong khu vực nội thị đạt: 1,8/2,0 điểm)

- **Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng** (Mức qui định tối thiểu 1% - tối đa $\geq 2\%$).

Theo thống kê, Trung tâm xã Vĩnh Thành có 16 xe khách (trọng tải 3-15 tấn) đi thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, có 2 chuyến đò, có tuyến xe buýt công cộng lưu thông trên tuyến QL 57, và các tuyến xe dịch vụ đường dài qua lại. Ước số lượt người di chuyển bằng các phương tiện trên bình quân đạt khoảng 300 người/ngày, chiếm khoảng 4,3 % dân số toàn đô thị.

(Đánh giá tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng đạt: 2,0/2,0 điểm)

- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị: (Mức qui định tối thiểu 5 m²/người - tối đa ≥ 7 m²/người).

Diện tích đất giao thông/dân số nội thị đạt:

$$= \frac{106500 \text{ m}^2}{3.554 \text{ người}} = 29,96 \text{ m}^2/\text{người}.$$

(Đánh giá chỉ tiêu diện tích đất giao thông/dân số đô thị đạt: 2,0/2,0 điểm)

d) Hệ thống cấp nước: Đánh giá chỉ tiêu chung về hệ thống cấp nước đạt **5.0/5,0** điểm. Trong đó:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị: (Mức qui định tối thiểu 80 lít/người/ngày đêm - tối đa ≥90 lít/người/ngày).

Trên địa bàn Trung tâm xã Vĩnh Thành hiện đang sử dụng nước sạch của nhà máy nước tư nhân Tân An, ấp Vĩnh Hưng 1. Trạm cấp nước này có tổng công suất 70 m³/h. Tương đương 1.680 m³/ngày đêm (1.680.000 lít/ngày đêm). Cung cấp cho khu vực nội thị 750.000 lít. Như vậy:

$$\text{Tiêu chuẩn cấp nước sạch khu vực nội thị} = \frac{\text{Tổng lượng nước cung cấp cho nội thị}}{\text{Tổng dân số trong khu vực nội thị}}$$

$$\text{Tiêu chuẩn cấp nước sạch} = \frac{750.000 \text{ lít}}{3.554 \text{ người}} = 211 \text{ lít/người/ngày}$$

(Đánh giá tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thị đạt: 2,0/2,0 điểm)

- Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch: (Mức qui định tối thiểu 50% - tối đa ≥55%)

Theo số liệu thống kê từ trạm cấp nước, khu vực nội thị có 2487 /3554 dân sử dụng nước sạch đạt 70%.

(Đánh giá tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch đạt: 1,5 /1,5 điểm)

- Tỷ lệ nước thất thoát: (Mức qui định tối thiểu 25% - tối đa ≤ 20%).

Nhà máy nước được đầu tư xây dựng với hệ thống tự động tương đối hiện đại, có công nhân thường xuyên thay nhau trực ca để quản lý và khai thác, hệ thống đường ống được kiểm tra, bảo trì thường xuyên nên tỷ lệ thất thoát nước không lớn. Hiện nay, tỷ lệ thất thoát nước khoảng 20%.

(Đánh giá tỷ lệ thất thoát nước đạt: 1,5/1,5 điểm)

e) Hệ thống thoát nước: Đánh giá chỉ tiêu chung về hệ thống thoát nước đạt **4.7/6,0** điểm. Trong đó:

- Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị: (Mức qui định tối thiểu 2,5 km/km²- tối đa ≥ 3 km/km²).

Hiện nay, hệ thống đường ống thoát nước của Trung tâm xã Vĩnh Thành gồm

đọc hai bên tuyến đường từ cầu Cây Da vào chợ Cái Môn, và ở khu vực chợ với tổng chiều dài 2.809 m.

Như vậy mật độ đường cống thoát nước chính đạt là :

$$= \frac{2,809 \text{ km}}{0,96 \text{ km}^2} = 2,92 \text{ km/km}^2.$$

(Đánh giá chỉ tiêu mật độ đường cống thoát nước chính đạt: 1.9/2,0 điểm)

- **Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý:** (Mức qui định tối thiểu 10% - tối đa $\geq 20\%$).

Hiện nay, địa phương chưa có cơ sở để tính được tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý. Tuy nhiên, đa phần nước thải được xử lý tại hộ gia đình với hình thức mỗi hộ gia đình có hố thu gom, dụng cụ chứa đựng rác, mương chứa nước thải, rãnh thoát nước hợp vệ sinh, nước thải được thấm vào đất thoát ra mương, rãnh nhưng đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Do đó, đánh giá chỉ tiêu này đạt 10 %.

(Đánh giá tỷ lệ nước sinh hoạt được xử lý đạt: 1,4/2,0 điểm)

- **Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải:** (Mức qui định tối thiểu 40% - tối đa $\geq 60\%$).

Trên địa bàn theo khảo sát chưa có cơ sở sản xuất có xây dựng trạm xử lý nước thải. Nhưng đa số là các cơ sở sản xuất có qui mô nhỏ: sản xuất nước đá, sản xuất rượu... Các chất thải rắn, lỏng hầu hết đã được xử lý cục bộ tại cơ sở và chưa gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Vì vậy đánh giá tỷ lệ này ở mức qui định tối thiểu 40%.

(Đánh giá tỷ lệ các cơ sở mới xây dựng có trạm xử lý nước thải đạt: 1,4/2,0 điểm).

f) Hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng:

Đánh giá chỉ tiêu chung về hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng đạt: **3.11/4,0** điểm. Trong đó:

- **Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị:** (Mức qui định tối thiểu 250 kwh/người/năm - tối đa ≥ 350 kwh/người/năm).

Theo thống kê công suất điện cấp cho khu vực nội thị năm 2014 là 890.250 kwh/năm. Do đó, chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt được xác định như sau:

$$= \frac{890.250 \text{ kwh/năm}}{3.554 \text{ người}} = 251,20 \text{ kwh/người/năm.}$$

(Đánh giá chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị đạt 1,41/2,0 điểm)

- **Tỷ lệ đường phố chính trong khu vực nội thị được chiếu sáng:** (Mức qui định tối thiểu 80% - tối đa $\geq 90\%$).

Hệ thống chiếu sáng công cộng trong khu vực nội thị đã vận động 3 tuyến đường phố chính đạt 100%

$$= \frac{3}{3} \times 100\% = 100\%$$

(Đánh giá tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt: 1,0/1,0 điểm)

- **Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng:** (Mức qui định tối thiểu 50% - tối đa $\geq 70\%$).

Địa phương vận động nhân dân dọc các ngõ hẻm treo bóng đèn trước cửa nhà, dốc cầu để thấp sáng vào ban đêm. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được ở mức tối thiểu.

$$= \frac{5}{10} \times 100\% = 50\%$$

(Đánh giá tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng đạt: 0,7/1,0 điểm)

g) Chỉ tiêu hệ thống thông tin và bưu chính viễn thông: (Số thuê bao điện thoại bình quân/số dân (máy/100 dân). Mức qui định tối thiểu 5 máy/100 dân - tối đa 8 máy/100 dân.

Hiện tại Trung tâm xã Vĩnh Thành có 01 Bưu điện và 01 đài viễn thông đóng trên địa bàn nhằm vụ nhu cầu liên lạc thông tin cho người dân tại địa phương. Tổng số máy cố định đăng ký là 500 máy, đạt tỷ lệ 7 máy cố định/100 dân và trên 4000 máy thuê bao di động trả trước và sau.

(Đánh giá chỉ tiêu số thuê bao điện thoại bình quân/số dân đạt: 2,0/2,0 điểm)

h) Chỉ tiêu về cây xanh, thu gom chất thải và nhà tang lễ: Đánh giá chỉ tiêu chung về cây xanh, thu gom chất thải và nhà tang lễ đạt: **7,4/8,0** điểm. Trong đó:

- **Chỉ tiêu đất cây xanh đô thị** (Mức qui định tối thiểu 5 m^2 /người - tối đa $\geq 7 \text{ m}^2$ /người).

Đất cây xanh trên địa bàn Trung tâm xã Vĩnh Thành được tính từ số diện tích cây xanh được người dân trồng cặp hai bên các tuyến đường chính, các tuyến pè tông và diện tích cây xanh được nhà nước trồng trên các vỉa hè và các khu vực công trình công cộng (trường học, bệnh viện, trụ sở làm việc UBND), với tổng diện tích 47.880 m^2 , dân số toàn đô thị là 8.457 người. Tỷ lệ cây xanh đạt .

$$= \frac{47.880 \text{ m}^2}{8.457 \text{ người}} = 5,66 \text{ m}^2/\text{người}$$

(Đánh giá chỉ tiêu đất cây xanh đô thị đạt: 0,7/1,0 điểm)

- **Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị** (Mức qui định tối thiểu 3 m^2 /người - tối đa $\geq 4 \text{ m}^2$ /người).

Địa bàn thị trấn có diện tích đất cây xanh công cộng khu vực nội thị như: hoa viên nhà thờ Cái Mơn, Các trường học, các tuyến đường phố chính tổng diện tích 14.500 m^2 , dân số nội thị là 3.554 người.

$$= \frac{14500 \text{ m}^2}{3554 \text{ người}} = 4 \text{ m}^2 / \text{người}.$$

Đánh giá chỉ tiêu này đạt 2,0/2,0 điểm

- **Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom:** (Mức qui định tối thiểu 60% - tối đa $\geq 70\%$).

Khu vực chợ Cái Mơn có đội thu gom rác khu vực chợ do Ban quản lý chợ tổ chức và quản lý đảm bảo rác thải trong khu vực chợ và các dãy phố được thu gom triệt để.

Ngoài ra, trên địa bàn cũng đã thành lập 1 đội thu gom rác dân lập do UBND xã quản lý, tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt các hộ dân dọc các tuyến đường chính, ngoài ra các gia đình không được xe rác thu gom có hố thu gom và xử lý tại gia đình.

Như vậy ước tính tỷ lệ thu gom rác trên đại bàn đạt mức tối đa 70%.

(Đánh giá tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom đạt: 2,0/2,0 điểm)

- **Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý:** Chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt: (Mức qui định tối thiểu 60% - tối đa $\geq 65\%$).

Ngoài tỷ lệ rác thải được các đội vệ sinh thu gom đem về chôn lấp, xử lý tại bãi, thì các gia đình có diện tích đất vườn cũng đã thực hiện các biện pháp chôn lấp hợp vệ sinh như đào hố chôn lấp, sẽ trang bị lò đốt rác ở các trường học, phòng khám khu vực,.... Như vậy về chỉ tiêu này đô thị đánh giá đạt tỷ lệ 65%.

(Đánh giá tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý đạt: 2,0/2,0 điểm)

- **Số nhà tang lễ khu vực nội thị** (Mức qui định tối thiểu phải hoặc ≥ 1 nhà):

Hiện tại địa phương không có nhà tang lễ. Ở ấp Vĩnh Hưng 1 có 01 đội mai táng. Trung tâm xã Vĩnh Thành có tỷ lệ dân số theo đạo Công giáo 83%, nhà thờ Cái Mơn, Hội dòng Mến Thánh Giá... là nơi làm lễ an táng, cúng viếng cho người theo đạo Công giáo. Đối với chỉ tiêu này đạt.

(Đánh giá tỷ lệ số nhà tang lễ khu vực thị đạt: 0,7/1,0 điểm)

6. Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc - cảnh quan đô thị .

Đánh giá tiêu chuẩn chung về Kiến trúc - Cảnh quan đô thị đạt **8.2 /10** điểm. Trong đó:

a. Qui chế quản lý kiến trúc quy hoạch đô thị: Qui chế chưa có, tuy nhiên địa phương có điều lệ quản lý đồ án theo qui hoạch chung được trên phê duyệt.

(Đánh giá chỉ tiêu qui chế quản lý kiến trúc quy hoạch đô thị đạt: **1,4/2,0** điểm)

b. Khu đô thị mới: Đánh giá chỉ tiêu chung về khu đô thị mới đạt **0,7 /2,0** điểm. Trong đó:

- **Khu đô thị mới** (Mức qui định tối thiểu: Có Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt - tối đa: Có dự án): Dự án khu dân cư đường vào chợ Cái Mơn đã được trên phê duyệt nhưng chưa thực hiện được.

(Đánh giá chỉ tiêu về khu đô thị mới đạt: 0,7/1,0 điểm)

- **Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị:** (Mức qui định tối thiểu: Có Quy hoạch chung đô thị được phê duyệt - tối đa: Có dự án) Xã có quy hoạch chung đô thị được duyệt. Hiện nay xã đang vận động nhân dân từng bước chỉnh trang đô thị khu dân cư từ cầu cây Da đến Chợ Cái Mơn và đang kêu gọi đầu tư mở rộng và nâng cấp Chợ Cái Mơn. Đánh giá chỉ tiêu này đạt.

(Đánh giá chỉ tiêu về Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị đạt: 0,7/1,0 điểm)

c. Tuyến phố văn minh đô thị (Mức qui định tối thiểu 5% - tối đa $\geq 10\%$).

Địa phương vận động nhân dân xây dựng tuyến phố văn minh: dọn dẹp vệ sinh, trồng cây xanh, treo cờ Tổ quốc... Vừa qua huyện xem xét có 3 tuyến đường văn minh trong khu vực nội thị đạt yêu cầu và có quyết định công nhận. Cho nên chỉ tiêu này hiện nay đánh giá đạt.

(Đánh giá chỉ tiêu này đạt: 2,0/2,0 điểm)

d. Không gian công cộng (Mức qui định tối thiểu 1 khu - tối đa ≥ 2 khu)

Trên địa bàn Trung tâm xã Vĩnh Thành hiện nay chưa quy hoạch công viên. Tuy nhiên trong khu vực nội thị có một khu hoa viên công cộng nhà Thờ Cái Mơn do vậy, chỉ tiêu này đánh giá đạt ở mức tối thiểu.

(Đánh giá chỉ tiêu về số lượng không gian công cộng đạt: 1,4 /2,0 điểm)

e. Công trình kiến trúc tiêu biểu: Đánh giá chỉ tiêu chung về công trình kiến trúc tiêu biểu đạt **2,0/2,0** điểm. Trong đó:

- **Có công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hóa lịch sử, di sản** (Mức qui định tối thiểu):

Trung tâm xã Vĩnh Thành có Đền thờ liệt sĩ được xây dựng năm 2007. Đền là nơi thấp hương tưởng nhớ 149 anh hùng liệt sĩ, thể hiện lòng kính trọng và tri ân những người đã hy sinh xương máu cho đất nước bình yên hôm nay. Hàng năm, vào các dịp lễ tết, đều tổ chức lễ viếng và được nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng. Ngoài ra, trên địa bàn còn có các công trình tín ngưỡng, tôn giáo rất nổi tiếng như: Nhà thờ Cái Mơn, nhà thờ Hội Dòng mền Thánh Giá và hàng loạt Nhà thờ của các họ đạo Công giáo. Hệ thống chùa chiền và các đền thờ: Chùa Kim Long, Chùa Vạn Phước, chùa Nam Hoa; nhà cổ Hội Đồng Hiếu, nhà bia Trương Vĩnh Ký; Đình Phú Hội, đình Vĩnh Lợi... là những công trình kiến trúc tiêu biểu mang đậm nét đặc trưng riêng của từng công trình như thể hiện những đặc điểm chung về lịch sử, văn hóa tại địa phương và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương công nhận. Đặc biệt, ở đình Phú Hội, đình Vĩnh Lợi, hàng năm cứ vào ngày Giỗ tổ Hùng Vương mừng 10 tháng 3 (ÂL) hàng năm, chính quyền địa phương phối hợp với Ban Khánh Tiết đình tổ chức các nghi thức cúng tế và thu hút hàng trăm du khách từ nơi khác đến để cúng viếng. Ngoài ra, còn tổ chức các hoạt động thể thao, trò chơi dân gian mang đậm nét đặc trưng của địa phương và được địa phương công nhận là một văn hóa lịch sử, di sản. Do đó, chỉ tiêu này đánh giá đạt điểm tối đa.

(Đánh giá chỉ tiêu có công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hóa lịch sử, di sản đạt: 1,0/1,0 điểm)

- Tỷ lệ các công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo (Mức qui định tối thiểu 25% - tối đa $\geq 35\%$).

Ở địa phương trong những năm qua, công tác trùng tu, tôn tạo các công trình tôn giáo, tín ngưỡng được địa phương, các mạnh thường quân, các tín đồ đặc biệt quan tâm. Các công trình tiêu biểu vừa được trùng tu, tôn tạo: Công trình trùng tu Nhà thờ Cái Mon, nhà Cổ Hội Đồng Hiếu, Nhà bia Trương Vĩnh Ký, Chùa Nam Hoa, Chùa Kim Long,...Do đó, chỉ tiêu này đánh giá đạt điểm tối đa.

(Đánh giá chỉ tiêu có công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo đạt: 1,0/1,0 điểm).

III. Đánh giá phân loại đô thị:

1. Đánh giá chung: Từ những kết quả đã đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội và kết cấu hạ tầng. Trung tâm xã Vĩnh Thành cơ bản đạt các tiêu chuẩn qui định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/05/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng qui định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/05/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị. Cụ thể từng tiêu chuẩn như sau:

- Tiêu chuẩn 1: Chức năng đô thị đạt 11,5/15,0 điểm
- Tiêu chuẩn 2: Quy mô dân số toàn đô thị đạt 7,28/10,0 điểm
- Tiêu chuẩn 3: Mật độ dân số đạt 4,7/5,0 điểm
- Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 3,8/5,0 điểm
- Tiêu chuẩn 5: Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đạt 50.52/55,0 điểm
- Tiêu chuẩn 6: Kiến trúc cảnh quan đô thị đạt 8.2 /10,0 điểm

Tổng số điểm đạt được là 86.0/100 điểm

-Đạt 48/49 chỉ tiêu.

-Còn 01 chỉ tiêu chưa đạt là *Tổng thu ngân sách trên địa bàn.*

- 15 chỉ tiêu đạt thấp như :(*Dân số toàn đô thị; dân số nội thị; tỷ lệ đô thị hóa; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; trung tâm thể dục thể thao; tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị; tỷ lệ nước thoát; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý; tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng; đất cây xanh đô thị; số nhà tang lễ khu vực nội thị; Quy chế quản lý qui hoạch kiến trúc đô thị; khu cải tạo chỉnh trang đô thị*).

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THEO CÁC TIÊU CHUẨN

STT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị tính	Quy định				Kết quả	
			Chỉ tiêu		Thang điểm		Hiện trạng đô thị	Số điểm đạt
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa		
I	Chức năng đô thị				10,5	15		11,5
1	Vị trí và tính chất đô thị				3,5	5,0	Cấp tiểu vùng 02	3,5
2	Các chỉ tiêu KT-XH					10		8,0
2.1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	tỷ đồng/năm	7	10	1,4	2,0	4,6 tỷ	0
2.2	Cân đối thu chi ngân sách		Cân đối dư hoặc đủ		1	1,5	Cân đối dư	1,5
2.3	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	lần	0,35	≥0,5	1,4	2,0	0,65	2,0
2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	4,5	>5,0	1,4	2,0	12	2,0
2.5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	25	≤17	1	1,5	7,45	1,5
2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	1,2	≥1,3	0,7	1,0	1,3	1,0
II	Theo qui mô dân số	người		4000		10		7,28
1	Dân số toàn đô thị	1.000 người	4	50	1,4	2,0	8.457	1,5

2	Dân số nội thị	1.000 người	1,6	>_ 20	2,8	4,0	3.554	2,9
3	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40	70	2,8	4,0	42,02	2,88
III	Mật độ dân số người	Người/ km ²		2000		5,0		4,7
1	Mật độ dân số	Người/ km ²	2.000	≥4000	3,5	5,0	3.702	4,7
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%				5,0		3,8
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	65	□≥70	3,5	5,0	66	3,8
V	Công trình hạ tầng đô thị				38,5	55		50.52
5.1	Các chỉ tiêu về nhà ở					10		10
5.1.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân cho khu vực nội thị	m ² sàn/ng ười	12	≥15	3,5	5,0	17,01	5,0
5.1.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị	%	50	□≥60	3,5	5,0	67,08	5,0
5.2.	Các chỉ tiêu về công trình công cộng cấp đô thị					10		9,4
5.2.1	Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở	m ² / người	1	≥1,5	1	1,5	3,1	1,5
5.2.2	Chỉ tiêu đất dân dụng	m ² / người	61	□≥78	1	1,5	86,74	1,5
5.2.3	Đất XD các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² / người	3	≥3,5	1	1,5	4.99	1,5
5.2.4	Cơ sở y tế (bệnh viện đa khoa - chuyên khoa các cấp).	giườn g/ 1.000 dân	1,5	≥2	1	1,5	2-3	1,5
5.2.5	Cơ sở giáo dục đào tạo (trung học, dạy nghề)	cơ sở	Có dự án	≥ 1	0,7	1,0	2	0,7

5.2.6	Trung tâm văn hóa (nhà hát , rạp chiếu phim, bảo tàng, nhà văn hóa)	công trình	1	$\square \geq 2$	0,7	1,0	1	0,7
5.2.7	Trung tâm TDTT (sân vận động, nhà thi đấu, câu lạc bộ)	công trình	1	≥ 2	0,7	1,0	5	0,7
5.2.8	Trung tâm thương mại, dịch vụ (chợ, siêu thị, cửa hàng bách hóa)	công trình	1	≥ 2	0,7	1,0	2	1,0
5.3	Các chỉ tiêu về hệ thống giao thông					10		9,21
5.3.1	Đầu mối giao thông (đường thủy...)	cấp		Cấp tiêu vùng	1,4	2,0	cấp tiêu vùng	2,0
5.3.2	Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất XD trong khu vực nội thị	%	11	≥ 16	1,4	2,0	11,09	1,41
5.3.3	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng đường $\geq 11,5m$)	km/km ²	6	8	1,4	2,0	7,33	1,8
5.3.4	Tỷ lệ phục vụ vận tải HK công cộng	%	1	≥ 2	1,4	2,0	4,3	2,0
5.3.5	Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /người	5	≥ 7	1,4	2,0	29,96	2,0
5.4	Các chỉ tiêu về hệ thống cấp nước					5,0		5,0
5.4.1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	lít/người / ngày	80	≥ 90	1,4	2,0	211	2,0
5.4.2	Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước sạch	%	50	≥ 55	1	1,5	52,17	1,5
5.4.3	Tỷ lệ nước thất thoát	%	25	≤ 20	1	1,5	25	1,5
5.5	Các chỉ tiêu về hệ thống thoát nước					6,0		4,7

5.5.1	Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị	km/k m ²	2,5	≥ 3	1,4	2,0	2,92	1,9
5.5.2	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý	%	10	≥ 20	1,4	2,0	10	1,4
5.5.3	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới XD có trạm xử lý nước thải	%	40	≥ 60	1,4	2,0	40	1,4
5.6.	Các chỉ tiêu về hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng					4,0		3.11
5.6.1	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thị	kwh/ người / năm	250	≥ 350	1,4	2,0	251,2	1,41
5.6.2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	80	≥ 90	0,7	1,0	100	1.0
5.6.3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	50	70	0,7	1,0	50	0,7
5.7	Các chỉ tiêu về hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông					2,0		2,0
5.7.1	Số thuê bao điện thoại bình quân/số dân	máy/ 100 dân	5	8	1,4	2,0	7	2,0
5.8	Các chỉ tiêu về cây xanh, thu gom xử lý nước thải và nhà tang lễ					8,0		7,4
5.8.1	Đất cây xanh đô thị.	m ² / người	5	≥ 7	0,7	1,0	5,66	0,7
5.8.2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị.	m ² / người	3	≥ 4	1,4	2,0	4,0	2,0
5.8.3	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom.	%	60	≥ 70	1,4	2,0	70	2,0
5.8.4	Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý (chôn hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt).	%	60	≥ 65	1,4	2,0	65	2,0

5.8.5	Số nhà tang lễ khu vực nội thị.	nhà		≥ 1	0,7	1,0	1	0,7
VI	Tiêu chuẩn kiến trúc, cảnh quan đô thị					10		8,2
6.1	Chỉ tiêu về quy chế Quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị					2,0		1.4
6.1.1	Quy chế quản lý qui hoạch kiến trúc đô thị.				1,4	2,0	Có điều lệ quản lý	1,4
6.2	Các chỉ tiêu khu đô thị mới					2,0		0,7
6.2.1	Khu đô thị mới.	khu		Có dự án - có QH chung đô thị được duyệt	0,7	1,0	Có quy hoạch	0,7
6.2.2	Khu cải tạo chỉnh trang đô thị.	khu		Có dự án - có QH chung đô thị được duyệt	0,7	1,0	Có quy hoạch	0,7
6.3.	Chỉ tiêu về tuyến phố văn minh đô thị					2.0	3	2.0
6.3.1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số đường chính khu vực nội thị.	%	5	≥ 10	1,4	2,0	10	2.0
6.4.	Chỉ tiêu về không gian công cộng					2.0		1.4
6.4.1	Số lượng không gian công cộng của đô thị.	khu	1	≥ 2	1,4	2,0	1	1,4
6.5.	Các chỉ tiêu về công trình kiến trúc tiêu biểu					2.0		2.0
6.5.1	Có công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hóa lịch sử, di sản.				0,7	1,0	Có (Đền thờ liệt sĩ; nhà bia tưởng Vĩnh Ký; nhà cổ hội đồng Hiếu; Nhà	1.0

							thờ Cái Mon...	
6.5.2	Tỷ lệ công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo.	%	25	35	0,7	1,0	Nhà Thờ Cái Mon; Nhà cổ hội đồng hiếu; chùa Nam Hoa	1.0
Tổng cộng (điểm)						100		86,0

2. Những tiêu chí chưa đạt và những giải pháp khắc phục:

Về cơ bản Trung tâm xã Vĩnh Thành đạt được các tiêu chuẩn cơ bản đã được qui định tại Nghị định 42 của Chính phủ về việc phân loại đô thị. Tuy nhiên, còn 01 chỉ tiêu chưa đạt là Tổng thu ngân sách trên địa bàn, 15 *chỉ tiêu đạt thấp như (Dân số toàn đô thị; dân số nội thị; tỷ lệ đô thị hóa; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; trung tâm thể dục thể thao; tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị; tỷ lệ nước thoát; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý; tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng; đất cây xanh đô thị; số nhà tang lễ khu vực nội thị; Quy chế quản lý qui hoạch kiến trúc đô thị; khu cải tạo chỉnh trang đô thị)* Vì vậy chưa đảm bảo sự đồng bộ và phát triển bền vững cho đô thị trong tương lai nên cần phải khắc phục trong thời gian tới như sau:

Việc nâng cấp đô thị trong tương lai sẽ là tiền đề quan trọng để thực hiện đầu tư, kêu gọi đầu tư, tạo chính sách kinh doanh nhằm thúc đẩy hơn nữa sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; nâng cao vị thế của Trung tâm xã Vĩnh Thành, là trung tâm tiểu vùng II của huyện Chợ Lách, là trung tâm thương mại - dịch vụ, văn hóa xã hội, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, khoa học kỹ thuật.

Khi chợ Cái Mon được nâng cấp và mở rộng; Khu ứng dụng Công nghệ sinh học Cái Mon được thực hiện hoàn chỉnh trong thời gian 2-3 năm tới sẽ góp phần rất lớn trong việc cải tạo hạ tầng kỹ thuật, thu hút các nhà đầu tư, góp phần tăng thu ngân sách và phát triển đô thị trong tương lai.

D. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ:

I. Tính chất và chức năng đô thị:

1. Tính chất:

- Là đô thị trực thuộc tiểu vùng của huyện, giữ vai trò trung tâm chính trị, văn hóa của tiểu vùng II, huyện Chợ Lách.
- Là trung tâm kinh tế, chủ yếu là sản xuất, thương mại- dịch vụ-du lịch thuộc Huyện.

2. Chức năng, vai trò:

- Đô thị có chức năng là một trong những trung tâm dịch vụ quan trọng nhằm

cung cấp:

+ Dịch vụ du lịch và vận tải cho tiểu vùng II của huyện.

+ Dịch vụ tổng hợp cho tiểu vùng II của huyện.

- Đóng vai trò là một trong những thành tố góp phần cho sự phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Bến Tre.

- Là đầu mối giao thông thủy, bộ quan trọng của huyện Chợ Lách và của tỉnh Bến Tre.

II. Định hướng phân khu chức năng đô thị:

1. Chọn hướng phát triển đô thị: Hướng phát triển đô thị: phát triển về hướng Đông- Đông Bắc, chủ yếu mở rộng về phía xung quanh ven đường Quốc lộ 57. Tổ chức vành đai xanh xung quanh đô thị, kết hợp các địa điểm vui chơi giải trí và các khu du lịch.

2. Quy hoạch hệ thống trung tâm đô thị:

a. Trung tâm hành chính: Trung tâm hành chính vẫn giữ nguyên theo quy hoạch hiện hành.

b. Hệ thống trung tâm thương mại dịch vụ: Khu thương mại dịch vụ bố trí tại chợ Cái Môn, chợ Tây Lộc, bao gồm khu thương mại tập trung và kết hợp nhà ở.

c. Hệ thống công trình giáo dục:

- Trường Mầm non: đặt tại diện tích hiện hữu.

- Trường THCS: Tại vị trí hiện hữu, tiếp tục đầu tư nâng chất cơ sở vật chất

- Các trường Tiểu học giữ theo hiện trạng và có thể mở rộng liền kề.

- Trường THPT Trương Vĩnh Ký theo ranh giới hiện hữu và mở rộng về hướng nam(phía sau).

- Bố trí Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung tâm dạy nghề tại vị trí mới đối diện với Phòng khám đa khoa Vĩnh Thành.

d. Hệ thống công trình y tế:

Đối với Bệnh viện: nâng cấp Phòng khám đa khoa Vĩnh Thành hiện nay đảm bảo phục vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân đô thị.

đ. Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao:

- Trung tâm văn hóa thể thao: Nằm cạnh Quốc lộ 57 thuộc ấp Vĩnh Hưng 1(cách cây xăng Tấn Lực 40 m về phía Bắc) bao gồm: các khu thể dục, thể thao phục vụ riêng từng môn như bơi lội, bóng đá, điền kinh.... Sân vận động đặt tại vị trí đối diện Trung tâm văn hóa thể thao thuộc ấp Vĩnh Chính(liền kề phía sau Trường THCS).

- Ngoài Trung tâm văn hóa thể thao, còn có hệ thống các công viên cây xanh ven sông(đoạn sông Cái Môn qua đô thị), ven Quốc lộ 57...đóng vai trò bảo vệ sông rạch tự nhiên và đóng góp đáng kể mảng xanh cho đô thị.

e. Các công trình công cộng khác:

- Buu điện đặt tại vị trí hiện hữu.
- Ban Quản lí chợ, Đội thuế: nâng cấp từ diện tích hiện hữu.

f. Hệ thống các khu ở đô thị: Khu vực nội thị dự kiến phân bố thành 01 khu ở đô thị, cụ thể như sau:

Khu nhà ở: Nằm phía Nam- Đông Nam chợ Cái Mơn bao gồm: từ chợ Cái Mơn đến trung tâm hành chính Thị trấn và mở rộng đến Quốc lộ 57.

g. Định hướng quy hoạch vùng ven đô thị:

- Khu vực nông thôn ngoại thị, nông nghiệp sẽ được chuyển dịch theo hướng sản xuất sạch vừa phục vụ nhu cầu của đô thị vừa phục vụ cho các khu vực xung quanh.

- Với mục tiêu phát triển sản xuất sạch để đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và góp phần giảm khí thải, hướng sản xuất cụ thể của nông nghiệp ngoại thị là trồng cây ăn trái, rau xanh... Bên cạnh đó, có thể khai thác các khu vực của nông thôn ngoại thành trong lĩnh vực du lịch sinh thái, dã ngoại kết hợp với các làng nghề với văn hóa ẩm thực...

- Một chức năng khác của khu vực ven đô thị là để xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật đầu mối như tuyến đường vành đai, kho bãi trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn, nghĩa địa... và dự trữ đất phát triển đô thị trong tương lai.

III. Giải pháp thực hiện: Để Trung tâm xã Vĩnh Thành hoàn chỉnh chương trình phát triển đô thị trong thời gian tới, cần tập trung một số giải pháp thực hiện như sau:

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức dân nhân:

- Cần tăng cường công tác phát động, tuyên truyền nâng cao ý thức tự giác của nhân dân trong việc tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Triển khai học tập rộng rãi trong nhân dân về nếp sống văn minh đô thị, tôn trọng luật lệ giao thông, trật tự đô thị và đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị. Tạo cho người dân có ý thức đồng thuận, tham gia đóng góp xây dựng đô thị trên tinh thần tự nguyện, không mang tính chất bắt buộc, cưỡng chế.

2. Triển khai quy hoạch các khu chức năng:

- Tập trung triển khai quy hoạch xây dựng các khu chức năng nhằm góp phần phát triển cho đô thị, đồng thời sẽ là tiền đề quan trọng để thực hiện kêu gọi đầu tư nhằm thúc đẩy hơn nữa sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Trong quá trình triển khai quy hoạch, phải tổ chức lấy ý kiến rộng rãi ra dân, đảm bảo tính dân chủ, công bằng, đúng quy trình, quy định của pháp luật.

3. Phát triển ngành nghề cùng phát triển các khu chức năng đô thị:

Để Trung tâm xã Vĩnh Thành trở thành đô thị loại V của huyện, là trung tâm thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp cần tập trung khai thác tối đa các tiềm lực hiện có về dịch vụ thương mại, sản xuất kinh doanh đa dạng các mặt hàng có giá trị...kết hợp với đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật để thu hút các nhà đầu tư, góp phần

tạo công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống cho người dân đô thị.

4. Phối hợp thực hiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

a. Đối với hạ tầng xã hội:

- Phát triển nhiều hơn các ngành thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp nhằm thu hút dân cư đến lập nghiệp, sinh sống.

- Phối hợp thực hiện các công trình văn hóa trong khu văn hóa - thể dục thể thao để góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

b. Đối với hạ tầng kỹ thuật:

- Tranh thủ sự đầu tư của các ngành chức năng cấp trên xây dựng mới các tuyến đường, cầu theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Trung tâm xã Vĩnh Thành đã được phê duyệt.

- Kiến nghị, đề xuất tiếp tục đầu tư nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các ấp còn lại nhằm đảm bảo nguồn nước sinh hoạt, sức khỏe của người dân; Nâng cấp mặt bằng chợ, hệ thống thoát nước, mở thêm tuyến đường mới từ cầu Cái Mơn nhỏ vào chợ Cái Mơn, bờ kè từ Cầu Cái Mơn nhỏ đến Cầu Lò Rèn. Nâng cấp mặt bằng chợ, xây dựng nhà lồng chợ và mở rộng chợ.

- Về chiếu sáng công cộng, mở rộng hẻm thành đường: tiếp tục vận động nhân dân lắp đặt hệ thống chiếu sáng ngõ hẻm, mở rộng hẻm thành đường đối với các tuyến còn lại.

c. Đối với môi trường:

- Xây dựng mới các nhà vệ sinh công cộng trong khu vực nội thị. Phát huy vai trò của Đội vệ sinh dân lập, đảm bảo rác thải được thu gom sạch sẽ, nhằm tạo vẻ mỹ quan cho đô thị.

- Phối hợp xây dựng công viên theo quy hoạch để vừa tạo khu vui chơi giải trí cho người dân, vừa nâng cao mật độ cây xanh trong đô thị, đồng thời tạo thêm các không gian công cộng cho đô thị.

d. Chính trang phát triển đô thị:

Phối hợp các ngành chức năng xây dựng hoàn thiện hạ tầng các khu dân cư, các dự án khu văn hóa, khu nhà ở; nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông, vỉa hè, cây xanh, hệ thống chiếu sáng công cộng.

e. Nâng cao năng lực quản lý và ban hành quy chế quản lý đô thị, cấp phép xây dựng, môi trường và cảnh quan đô thị:

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật trẻ có năng lực. Kết hợp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ hiện có, đủ sức thực hiện các biện pháp quản lý, khai thác và sử dụng các công trình theo quy hoạch, đảm bảo chất lượng và phù hợp với quy hoạch.

- Xây dựng quy chế, phân công cán bộ quản lý theo dõi và kiểm tra giám sát quá trình đầu tư xây dựng trên địa bàn, đảm bảo thực hiện quy chế ngày càng tốt hơn.

5. Kết luận, kiến nghị:

Căn cứ Nghị định 42/2009/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 07/5/2009 và Thông tư 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng, sau khi phân tích đánh giá thực trạng đô thị, Trung tâm xã Vĩnh Thành hiện tại hội đủ các điều kiện của một đô thị loại V (tuy vẫn còn tồn tại một số tiêu chí chưa đạt). Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho Trung tâm xã Vĩnh Thành phát triển với chất lượng ngày càng cao hơn, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành kính đề nghị:

- Sở Xây dựng Bến Tre thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án và ra quyết định công nhận.

- Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban ngành trong tỉnh hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách, nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm góp phần nâng cao năng lực cho xã Vĩnh Thành để ngày càng phát triển bền vững trong tương lai.

Trong những năm tiếp theo Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Chợ Lách nói chung, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành hướng tới sẽ quyết tâm tập trung mọi nguồn lực, phấn đấu phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh; xây dựng đô thị loại V Trung tâm xã Vĩnh Thành ngày càng văn minh hơn, hiện đại hơn, xứng đáng là một đô thị của huyện Chợ Lách nói riêng và của tỉnh Bến Tre nói chung./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND Tỉnh;
- UBND Tỉnh;
- Sở Xây Dựng;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**